

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ T
TỈNH L**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 52/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 11/8/2022

V/v: “Ly hôn, tranh chấp về
nuôi con”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ T
TỈNH L**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Tuấn Phan.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Nguyễn Thị Tĩnh;

Ông Nguyễn Văn Sở.

- Thư ký phiên tòa: Bà Võ Thị Thùy Trang – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố T, tỉnh L.

- Đại diện viện kiểm sát nhân dân thành phố T tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Vũ – Kiểm sát viên.

Ngày 11 tháng 8 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố T, tỉnh L xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 192/2021/TLST-HNGĐ, ngày 19 tháng 11 năm 2021, về việc: “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”.

Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 43/2022/QĐXXST-HNGĐ, ngày 28/6/2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 35/2022/QĐST-HNGĐ ngày 19/7/2022 của Tòa án nhân dân thành phố T, tỉnh L, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Đặng Thị Thị K, sinh năm 1989; Địa chỉ: ấp X, xã L, huyện T, tỉnh L.

- Bị đơn: Ông Đỗ Q, sinh năm 1984; Địa chỉ: đường H, Phường Y, thành phố T, tỉnh L.

(Nguyên đơn có đơn đề nghị xét xử vắng mặt; Bị đơn vắng mặt không lý do)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1/ Theo đơn khởi kiện và những lời trình bày tiếp theo của nguyên đơn, bà Đặng Thị Thị K, như sau:

Do quen biết và được sự đồng ý của gia đình hai bên nên bà và ông Đỗ Q có tổ chức lễ cưới vào năm 2016. Sau khi cưới vợ chồng sống cùng gia đình bên chồng tại thành phố T. Đến ngày 12/11/2018 vợ chồng đi đăng ký và được UBND Phường 2, thành phố T cấp giấy chứng nhận kết hôn. Sau khi cưới thì bà và ông Quan có cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc, nguyên nhân là do bất đồng quan điểm sống, vợ chồng không có tiếng nói chung, cách nhìn nhận và đánh giá vấn đề không giống nhau, mâu thuẫn ngày càng gay gắt dẫn đến thường xuyên xảy ra cự cãi. Đến tháng 8 năm 2020 bà cùng con chung về nhà cha mẹ ruột tại huyện Tr sinh sống và vợ chồng ly thân từ tháng 01 năm 2021 cho đến nay.

Nay xét thấy tình cảm vợ chồng không còn mục đích hôn nhân không đạt được nên bà yêu cầu ly hôn với ông Đỗ Q.

Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung tên Đỗ N, sinh ngày 01/10/2018. Hiện tại cháu N đang sống cùng bà. Khi ly hôn, bà yêu cầu được nuôi con chung và yêu cầu ông Quan cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 4.000.000đ.

Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2/ Bị đơn, ông Đỗ Q vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án. Do ông quan vắng mặt nên Tòa án không tiến hành hòa giải được.

Tại phiên tòa: Do nguyên đơn và bị đơn đều vắng mặt nên không có ý kiến gì.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố T, tỉnh L phát biểu:

Về tố tụng: Tòa án đã thụ lý vụ án đúng thẩm quyền, xác định đúng quan hệ tranh chấp, đúng tư cách các đương sự, việc giải quyết vụ án đúng thời hạn quy định. Trong quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán và những người tiến hành tố tụng đã tuân theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Những người tham gia tố tụng đã chấp hành đúng quy định pháp luật.

Về nội dung:

- Hôn nhân giữa bà Thanh và ông Quan là hôn nhân hợp pháp. Nguyên nhân mâu thuẫn do ông Quan đi làm xa nhà, bà Thanh sống cùng với gia đình ông Quan nên có những bất đồng quan điểm giữa bà Thanh và mẹ ông Quan.

Ông Quan không giải quyết bất đồng giữa bà Thanh và mẹ ông Quan mà cứ để mặc sự việc tiếp tục xảy ra. Đến tháng 8/2020 bà Thanh về nhà mẹ ruột sinh sống. Từ khi ly thân ông Quan cũng không có biện pháp hàn gắn tình cảm. Nhận thấy hôn nhân giữa bà Thanh và ông Quan không thể hàn gắn được. Do đó căn cứ quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình, chấp nhận cho bà Thanh được ly hôn với ông Quan.

- Về con chung: Thanh và ông Quan có 01 con chung tên Đỗ N, sinh ngày 01/10/2018 hiện đang sống chung với bà Thanh. Xét thấy hiện tại cháu đang được bà Thanh chăm sóc chu đáo, ổn định, để đảm bảo phát triển về mọi mặt của cháu cần giao bà Thanh tiếp tục nuôi dưỡng. Bà Thanh yêu cầu ông Quan cấp dưỡng 4.000.000đ, xét thấy ông Quan có thu nhập ổn định, đồng thời ông không có ý kiến cũng như phản đối yêu cầu của bà Thanh. Do vậy, chấp nhận yêu cầu nuôi con chung của bà Thanh theo quy định Điều 81 Luật HNGĐ. Ông Quan cấp dưỡng 4.000.000đ theo yêu cầu của bà Thanh.

- Về tài sản chung và nợ chung: Do đương sự không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

- Về án phí: Buộc bà Đặng Thị Thị K phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn. Ông Đỗ Q phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về cấp dưỡng nuôi con.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Bà Đặng Thị Thị K yêu cầu ly hôn với ông Đỗ Q. Do ông Quan đang cư trú tại Phường 2, thành phố T, tỉnh L nên đây là vụ án tranh chấp về ly hôn thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố T, tỉnh L theo quy định tại khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về thủ tục tố tụng: Bị đơn ông Đỗ Q đã được niêm yết hợp lệ các văn bản tố tụng đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự nhưng vẫn vắng mặt. Do đó, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định tại Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Nguyên đơn bà Đặng Thị Thị K có đơn đề nghị xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử đã xét xử vắng mặt tất cả các đương sự theo quy định tại Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Bà Đặng Thị Thị K và ông Đỗ Q chung sống vợ chồng từ năm 2016, trên cơ sở tự nguyện, có tổ chức đám cưới, có đăng ký kết hôn vào ngày 12/11/2018 tại Ủy ban nhân dân Phường 2, thành phố T, tỉnh L, từ đó có cơ sở xác định quan hệ hôn nhân giữa bà Thanh và ông Quan là hôn nhân

hợp pháp nên làm phát sinh quyền và nghĩa vụ giữa vợ chồng. Bà Thanh yêu cầu được ly hôn với ông Quan vì cho rằng vợ chồng bất đồng quan điểm sống, không có tiếng nói chung, từ nguyên nhân này dẫn đến vợ chồng thường xuyên xảy ra cự cãi. Xét thấy, trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành niêm yết các thông báo thụ lý vụ án; thông báo về hợp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; quyết định đưa vụ án ra xét xử; quyết định hoãn phiên tòa nhưng ông Quan đều vắng mặt không có lý do. Điều này chứng minh ông Quan không còn quan tâm đến quan hệ hôn nhân giữa hai bên. Do đó, Hội đồng xét xử xác định tình trạng hôn nhân giữa bà Thanh và ông Quan đã lâm vào trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Bà Thanh yêu cầu được ly hôn là có lý do chính đáng nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] Về con chung: Bà Đặng Thị Thị K xác định vợ chồng có 01 con chung tên Đỗ N, sinh ngày 01/10/2018, khi ly hôn bà Thanh yêu cầu được nuôi con chung. Xét thấy, từ khi bà Thanh và ông Quan không còn chung sống với nhau thì bà Thanh là người trực tiếp nuôi dưỡng cháu N. Do đó, để ổn định tình cảm, duy trì việc sinh hoạt, học tập hàng ngày của cháu N, Hội đồng xét xử quyết định giao cháu N cho bà Thanh nuôi dưỡng.

[5] Về cấp dưỡng nuôi con: Bà Thanh yêu cầu ông Quan cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 4.000.000đ. Xét thấy: Trong suốt quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã niêm yết, tổng đạt thông báo thụ lý vụ án; các thông báo về hợp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, trong các thông báo này thì Tòa án đã nêu rõ về mức cấp dưỡng mà bà Thanh yêu cầu tuy nhiên ông Quan không có ý kiến cũng như không phản đối yêu cầu bà Thanh. Do đó Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của bà Thanh, buộc ông Quan phải cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 4.000.000đ.

[6] Về tài sản chung và nợ chung: Do bà Đặng Thị Thị K không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[7] Về án phí: Bà Đặng Thị Thị K phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn. Ông Đỗ Q phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về cấp dưỡng nuôi con.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28; Điều 35; 39; 147; 227, 228, 266, 271; 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Áp dụng các Điều 51; 56; 57, 58; 81; 82; 83; 84 của Luật hôn nhân gia đình; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1/ Về hôn nhân: Cho bà Đặng Thị Thị K được ly hôn với ông Đỗ Q.

2/ Về nuôi con chung: Bà Đặng Thị Thị K được nuôi con chung tên Đỗ N, sinh ngày 01/10/2018. Ông Đỗ Q phải cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 4.000.000đ (Bốn triệu đồng) cho đến khi con chung đủ 18 tuổi.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung, không ai được quyền cản trở. Trên cơ sở lợi ích của con, khi cần thiết một trong hai bên có quyền yêu cầu Tòa án thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc yêu cầu cấp dưỡng nuôi con. Cá nhân, cơ quan, tổ chức có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con theo luật định.

Cha, mẹ trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu người không trực tiếp nuôi con thực hiện các nghĩa vụ theo quy định tại Điều 82 của Luật Hôn nhân và gia đình; yêu cầu người không trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình tôn trọng quyền được nuôi con của mình. Cha, mẹ trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

3/ Về án phí:

- Bà Đặng Thị Thị K phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn nhưng được khấu trừ 300.000đ tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0001129, ngày 19/11/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố T, tỉnh L. Bà Thanh đã thi hành xong án phí.

- Ông Đỗ Q phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí về cấp dưỡng nuôi con.

4/ Dương sự vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

5/ Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có

quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh L;
- VKSND Tp T;
- CC THA DS Tp T;
- UBND Phường 2, Tp T;
- Các đương sự.
- Lưu./.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Tuấn Phan